

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 22 tháng 08, 2025

Xem thêm



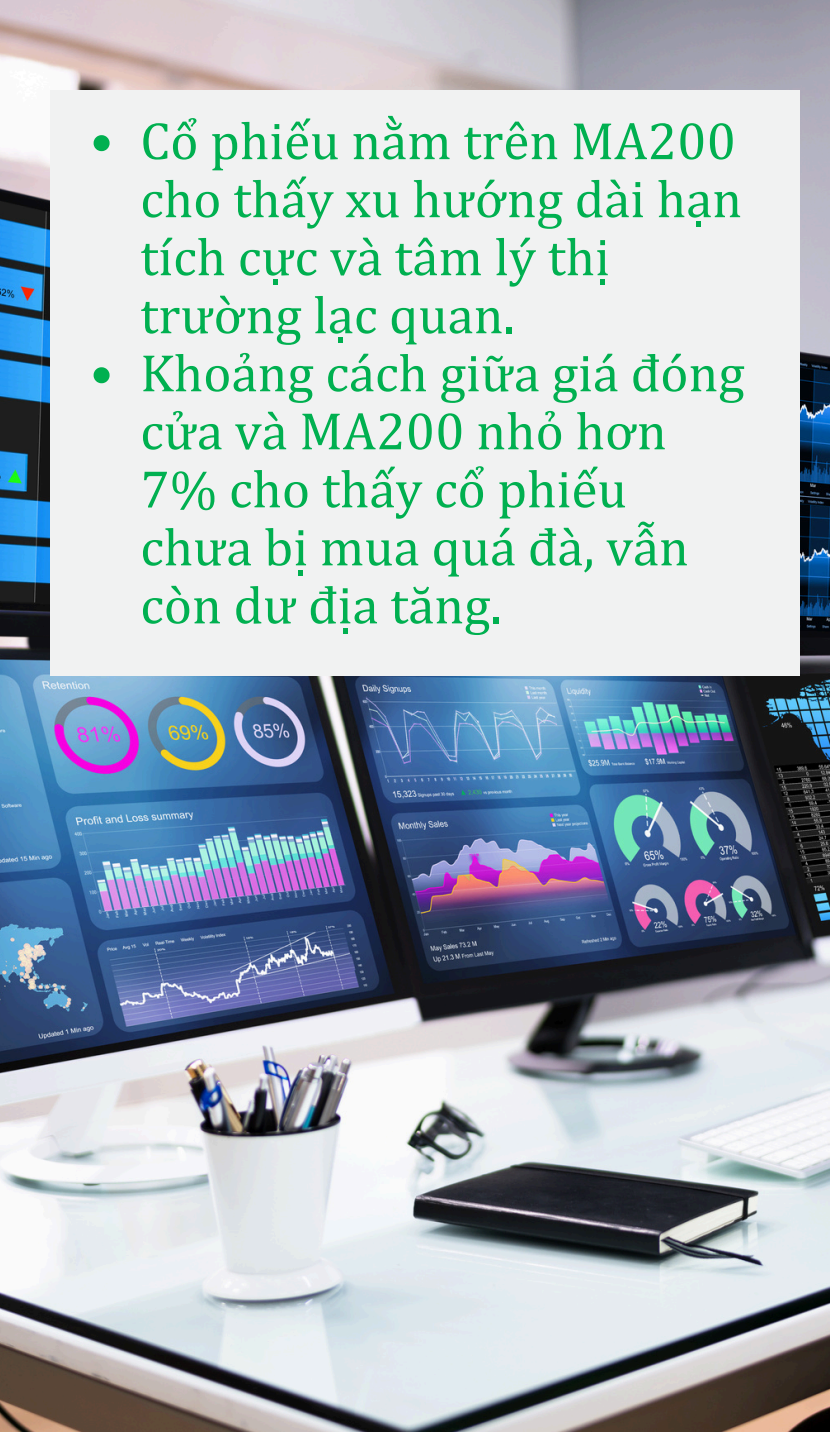
Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TVS	21/08/2025	23.3	2.043.800	423.367	4.83
2	QNS	21/08/2025	46.8	1.045.900	237.257	4.41
3	NAB	21/08/2025	16.25	6.930.100	2.303.167	3.01
4	TTA	21/08/2025	12.6	3.457.000	1.203.043	2.87
5	BFC	21/08/2025	50.8	3.301.000	1.166.673	2.83
6	HSL	21/08/2025	13.7	1.639.400	586.820	2.79
7	TPB	21/08/2025	22.05	114.491.696	43.148.508	2.65
8	ACB	21/08/2025	29.45	45.796.400	20.442.764	2.24
9	TCI	21/08/2025	10.8	1.230.200	614.483	2
10	BMI	21/08/2025	22.2	1.221.800	615.197	1.99
11	PXL	21/08/2025	18.1	2.045.900	1.042.757	1.96
12	PAN	21/08/2025	30.95	4.757.500	2.494.380	1.91
13	STB	21/08/2025	57.8	26.950.700	14.496.553	1.86
14	NLG	21/08/2025	41.7	8.796.800	4.742.487	1.85
15	NVB	21/08/2025	18.2	3.253.900	1.829.157	1.78
16	KDH	21/08/2025	35.9	12.621.400	7.313.484	1.73
17	KLB	21/08/2025	24.3	1.351.900	779.433	1.73
18	DGC	21/08/2025	96.7	5.248.900	3.072.203	1.71
19	TDC	21/08/2025	13.1	3.461.200	2.033.230	1.07
20	L14	21/08/2025	45.8	1.086.100	642.530	1.69
21	AAS	21/08/2025	17.8	3.452.700	2.078.847	1.66
22	CRE	21/08/2025	10.4	1.902.000	1.163.877	1.63
23	BID	21/08/2025	42.3	17.322.300	10.712.040	1.62
24	MSB	21/08/2025	17.45	32.859.700	21.298.406	1.54
25	ABB	21/08/2025	13.9	15.860.900	10.280.553	1.54
26	DPG	21/08/2025	45.5	5503800	3597780	1.53
27	IDC	21/08/2025	46.4	4896700	3219923	1.52
28	DSE	21/08/2025	28.05	2525500	1663943	1.52
29	MZG	21/08/2025	14.1	1167500	765867	1.52



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	21/08/2025	8.5	4.975.190	45.37	7.83	2.83	0.19	-0.01
2	APH	21/08/2025	7.02	707.640	51.58	6.74	4.2	0.12	0.51
3	ASM	21/08/2025	8.3	3.038.900	48.37	7.92	4.81	0.2	-0.08
4	BCM	21/08/2025	69.9	675.920	53.32	67.22	3.98	1.17	0.06
5	DGW	21/08/2025	41.5	4.523.690	37.92	39.25	5.74	0.64	-0.33
6	DVM	21/08/2025	7.7	873.030	52.99	7.6	1.26	0.15	0.02
7	FTS	21/08/2025	40.35	7.962.280	46.5	38.7	4.26	0.44	-0.58
8	GAS	21/08/2025	69.3	1.516.810	53.13	66.48	4.24	0.74	-0.11
9	GVR	21/08/2025	31.7	7.797.170	54.89	29.99	5.71	0.48	-0.43
10	IJC	21/08/2025	14.1	6.942.140	54.65	13.32	5.88	0.24	-0.03
11	KSB	21/08/2025	18.7	4.739.050	47.99	17.97	4.06	0.37	-0.03
12	OIL	21/08/2025	12.2	2.849.750	50.35	11.62	4.99	0.22	-0.03
13	PHR	21/08/2025	58.4	980.080	39.69	55.41	5.39	0.74	0.19
14	PVD	21/08/2025	21.85	13.405.710	50.83	21.78	0.3	0.54	-0.85
15	QTP	21/08/2025	13.4	701.200	56.62	13.29	0.81	0.02	-0.16
16	TCO	21/08/2025	11.8	844.370	48.89	11.61	1.59	0.21	0.1
17	TIG	21/08/2025	10.7	3.355.640	66.84	10.28	4.13	0.58	-0.51
18	TVC	21/08/2025	9.9	551.820	59.02	9.31	6.28	0.17	0.03
19	VCB	21/08/2025	64.2	11.093.140	60.44	60.73	5.71	0.79	-0.54
20	VIP	21/08/2025	13.35	539.650	50.81	13.02	2.51	0.1	-0.13
21	VNM	21/08/2025	60.1	5.807.650	46.22	59.02	1.83	0.63	-0.04
22	VPI	21/08/2025	56.5	2.260.900	59.42	55.75	1.35	0.6	-0.82



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	TPB	22.05	22.5	59.675.768
2	VPB	38.65	38.9	48719868
3	SHS	26.6	27.3	43.255.648
4	TCB	41.55	42.5	32.459.710
5	HDB	33.25	33.95	30747380
6	ACB	29.45	29.5	27.870.100
7	MSB	17.45	17.45	26.737.520
8	EIB	31.1	31.65	25.323.400
9	HAG	16.85	17.3	24.928.090
10	VIB	23.4	23.4	24.000.800
11	BSR	29.9	31.45	21.653.110
12	STB	57.8	57.8	14.728.220
13	CTG	51.8	52.7	14.549.920
14	OCB	14.6	14.6	14.533.770
15	BID	42.3	42.76	13.415.150
16	BVB	16.9	17.3	12.850.660
17	ABB	13.9	14.3	12.445.380
19	VHM	99.8	99.9	5.393.170
20	SSB	23.1	23.1	4.611.060
21	VIC	125	126.7	4.354.640
22	HAR	5.7	5.97	2.160.100
23	NVB	18.2	19.2	1.901.190
24	AAS	17.8	17.8	1.875.780
25	BFC	50.8	51.1	1.669.210

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	CSM	14.85	14.85	1.653.540
2	IDC	46.4	45	4.554.590
3	LSG	24.2	23	244050
4	TIG	10.7	10.6	3.355.640
5	TTA	12.6	11.9	1.279.220
6	TVS	23.3	21.8	593.480

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	HAX	13.95	13.8	3.726.310
2	DL1	6.5	6.5	1.988.930
3	CTD	77	76.9	1.149.820
4	AAV	6.2	6.1	1.129.270
5	VTO	12	12	1.115.040
6	TV2	36.8	36.25	964.250
7	VTP	102.6	99.9	819.370
8	FRT	128.5	128.4	752.370
9	MSH	35.2	34.7	737.840
10	NTP	59.7	59.5	454.490
11	VPL	80.9	78	256.670
12	BMP	131	131	196.030
13	BMC	17.25	17.25	117.950

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CMG	41.7	41.56	2.734.550
2	GAS	69.3	69.05	1.516.810
3	MWG	71	69.68	10667440
4	NRC	6.2	6.13	1.313.070

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	GAS	69.3	68.52	1.516.810

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn

Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CCL	7.56	7.58	921.800
2	CTD	77	78.41	1.149.820
3	DDG	2.8	2.87	756260
4	DFF	1.5	1.59	2.653.630
5	DL1	6.5	6.59	1.988.930
6	DPR	37.9	38.42	1.104.630
7	GIL	17.8	18.34	1.586.300
8	LSS	10.05	10.17	911.430
9	MSH	35.2	35.26	737.840
10	VOS	15	15.23	5473220

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTI	25	25.32	2.471.410
2	HHS	16.5	16.71	9.556.950
3	HNG	6.2	6.21	8005920
4	NBB	22.65	23	1.372.020
5	PVC	12	12.1	3.967.110
6	PVT	18.1	18.27	7.444.900
7	SZC	36.85	36.91	3.480.700
8	VGI	73.9	75.05	1.430.490
9	VGT	12.3	12.44	2403380
10	VOS	15	15.18	5473220

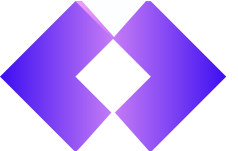
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACV	62.5	62.61	999.430
2	API	9 8.3	9.36	1.668.230
3	ASM	45.5	8.5	3038900
4	DPG	17.35	46.72	4.756.450
5	DRC	35.2	17.38	1.008.700
7	HDC	32.05	35.66	8934270
8	HVN	8.9	32.32	1860800
9	IDI	7.1	8.13	4244860
10	IDJ	16.8	7.22	4822550
11	ITC	6.97	17.07	1083770
12	KHG	18.7	7	14526260
13	KSB	41.7	19.15	4739050
14	NLG	21.4	42.76	6292570
15	NT2	20.5	21.41	2164050
16	NTL	12.2	20.76	4114100
17	OIL	21.85	12.33	2849750
18	PVD	13.85	21.98	13405710
14	QCG	6.7	14.07	3150490
15	SBS	9.2	6.78	3814980
16	SCR	13.1	9.47	11909980
17	TDC	13.27	13.27	2629840



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	21/08/2025	46.8	45.97	49.1	6.8	388.640
2	QTP	21/08/2025	13.4	13	13.9	6.9	836.460
3	KOS	21/08/2025	39	38.3	41.55	8.5	320.860
4	SJD	21/08/2025	15.2	14.3	15.6	9.1	149.260
5	SAB	21/08/2025	46.6	45.69	50	9.4	1.236.120
6	ABI	21/08/2025	29.3	27.6	30.9	12	106.300
7	CNG	21/08/2025	28.45	27.15	30.4	12	107.000
8	IMP	21/08/2025	54	50.1	56.5	12.8	385.740
9	BWE	21/08/2025	48.4	46.7	52.8	13.1	195.660
10	BTP	21/08/2025	11.2	10.75	12.2	13.5	117.720
11	SCS	21/08/2025	64.8	61.1	69.5	13.7	416.840
12	TNH	21/08/2025	16.25	15.6	17.75	13.8	798.900
13	CTF	21/08/2025	21	20.5	23.45	14.4	332.160
14	DBD	21/08/2025	54.7	49.74	57	14.6	108.360
15	PPC	21/08/2025	11	10.9	12.5	14.7	1.332.580
16	PVP	21/08/2025	15.1	14.3	16.4	14.7	371.580
17	FMC	21/08/2025	37.6	35.1	40.3	14.8	129.980
18	VLC	21/08/2025	15.6	14.7	16.9	15	287.700



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009